TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2021/KDTM-PT**
Ngày 24/5/2021
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 24/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 54/2021/TLPT-KDTM ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 192/2021/QĐ-PT ngày 14/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 224/2021/QĐ-PT ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng Q

Địa chỉ: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị S, bà Trần Thị L, ông Chu Cao T – Cán bộ. Địa chỉ: phố N, quận H, thành phố Hà Nội; bà S có mặt.

-Bị đơn:

+Bà Cao Thị H, sinh năm 1959. HKTT: phường Y, quận T, Hà Nội. Địa chỉ: phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt

+***Ông Đặng Văn D***, sinh năm 1957. HKTT: phường Y, quận T, Hà Nội. Địa chỉ: phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+***Bà Cao Thị H***, sinh năm 1953. HKTT: phố K, phường T, quận H, Hà Nội. Địa chỉ: phố K, phường T, quận H, Hà Nội, vắng mặt

+***Anh Lương Ngọc T***, sinh năm 1984. HKTT: phố K, phường T, quận H, Hà Nội. Địa chỉ: phố K, phường T, quận H, Hà Nội, vắng mặt

+***Chị Lương Thị Diễm H***, sinh năm 1986. HKTT: phố K, phường T, quận H, Hà Nội. Địa chỉ: phố K, phường T, quận H, Hà Nội, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Bà Cao Thị H và chồng là ông Đặng Văn D có kí hợp đồng và vay vốn tại Ngân hàng Q với tổng số tiền là: 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 022CN 104/HDTD/2011 ngày 13/04/2011 với nội dung cụ thể như sau:

-Thời hạn vay: theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ, mỗi khế ước nhận nợ tối đa không quá 06 tháng.

-Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh linh kiện phụ tùng và máy móc các loại xe có động cơ

-Lãi suất vay: Hai bên thống nhất thỏa thuận về lãi suất cho vay như sau: lãi suất thả nổi, áp dụng tại thời điểm giải ngân, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VNĐ kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của Q + Biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ và/hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo đúng chính sách của Q tại từng thời kỳ.

- Phương thức trả nợ:

+ Trả nợ gốc: Cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ.

+ Trả nợ lãi: Vào ngày 01 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Hợp đồng thế chấp:

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất hợp pháp của bên thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 196156, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số 00107/QSDĐ/508-H 0 do UBND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội (nay là quận H, TP Hà Nội) cấp ngày 24/04/2003 cho bà Cao Thị H, cụ thể như sau:

-Thửa đất số: 64

-Tờ bản đồ số: 15

-Địa chỉ: xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

-Diện tích: 184 m^2

-Mục đích sử dụng: đất ở

-Thời gian sử dụng: lâu dài

Tài sản đảm bảo trên được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 00944.11, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/04/2011 tại Văn phòng công chứng V, thành phố Hà Nội. Ngày 07/04/2011, tài sản đảm bảo đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H, thành phố Hà Nội.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Q đã giải ngân cho bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D theo khế ước nhận nợ số 022CN104.03/KUNN-Q/2012 ngày 07/04/2012 và khế ước nhận nợ số 022CN104.04/KUNN-Q/2012 ngày 09/04/2012 cụ thể như sau:

-Giải ngân số tiền: 1.000.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 022CN104.03/KUNN-Q/2012 ngày 07/04/2012

-Giải ngân số tiền: 1.000.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 022CN104.04/KUNN-Q/2012 ngày 09/04/2012

-Thời hạn vay: theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ, mỗi khế ước nhận nợ tối đa không quá 06 tháng

-Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh linh kiện phụ tùng và máy móc các loại xe có động cơ

-Lãi suất vay: thả nổi, áp dụng tại thời điểm giải ngân, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VNĐ kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của Q + biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ và/hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo đúng chính sách của Q tại từng thời kỳ.

-Phương thức trả nợ:

+ Trả nợ gốc: Cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ

+ Trả nợ lãi: Vào ngày 01 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với Ngân hàng Q , vi phạm các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn kéo dài. Tính đến ngày xét xử 29/09/2020, bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D còn nợ Ngân hàng Q số tiền tổng cộng là: 5.559.720.375 đồng, trong đó:

Nợ gốc:	2.000.000.000	đồng
Nợ lãi:	44.680.884	đồng
Nợ lãi quá hạn:	3.515.039.491	đồng

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng Q đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện cho bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D trả nợ cho Ngân hàng Q nhưng bà H và ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Q.

Nay ngân hàng Q đề nghị giải quyết những yêu cầu sau:

1. Buộc bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D phải trả cho Ngân hàng Q số tiền 5.559.720.375 đồng trong đó bao gồm nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn nói trên tính đến ngày xét xử 29/09/2020. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Q và theo quy định của pháp luật cho đến khi bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D trả hết nợ.

2. Trong trường hợp bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Q, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng Q được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý, thu hồi nợ, cụ thể:

Quyền sử dụng đất hợp pháp của bên thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 196156, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số 00107/QSDĐ/508-H do UBND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội (nay là quận H, TP Hà Nội) cấp ngày 24/04/2003 cho bà Cao Thị H, cụ thể như sau: Thửa đất số: 64, Tờ bản đồ số: 15, Địa chỉ: xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Diện tích: 184 m^2. Mục đích sử dụng: đất ở. Thời gian sử dụng: lâu dài.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Q .

Bị đơn trình bày:

Bà Cao Thị H và chồng là ông Đặng Văn D có kí hợp đồng và vay vốn tại Ngân hàng Q với tổng số tiền là: 2.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 022CN 104/HDTD-Q/2011 ngày 13/04/2011 với nội dung cụ thể như sau:

-Thời hạn vay: theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ, mỗi khế ước nhận nợ tối đa không quá 06 tháng.

-Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh linh kiện phụ tùng và máy móc các loại xe có động cơ

-Lãi suất vay: Hai bên thống nhất thỏa thuận về lãi suất cho vay như sau: lãi suất thả nổi, áp dụng tại thời điểm giải ngân, bằng lãi suất điều chuyển vốn

kinh doanh VNĐ kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của Q + biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ và/hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo đúng chính sách của Q tại từng thời kỳ.

-Phương thức trả nợ:

+ Trả nợ gốc: Cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ.

+ Trả nợ lãi: Vào ngày 01 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Hợp đồng thế chấp:

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất hợp pháp của bên thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 196156, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số 00107/QSDĐ/508-H, số HS: 0 do UBND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội (nay là quận H, TP Hà Nội) cấp ngày 24/04/2003 cho bà Cao Thị H, cụ thể như sau:

-Thửa đất số: 64

-Tờ bản đồ số: 15

-Địa chỉ: xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

-Diện tích: 184 m^2

-Mục đích sử dụng: đất ở

-Thời gian sử dụng: lâu dài

Tài sản đảm bảo trên được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 00944.11, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/04/2011 tại Văn phòng công chứng V, thành phố Hà Nội. Ngày 07/04/2011, tài sản đảm bảo đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H, thành phố Hà Nội.

Bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D xác nhận hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 13/04/2011 với Ngân hàng Q như phía đại diện Ngân hàng đã trình bày là đúng. Tính đến ngày 25/02/2020, bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D còn nợ Ngân hàng Q số tiền tổng cộng là: 5.373.717.952 đồng, trong đó:

Nợ gốc:	2.000.000.000	đồng
Nợ lãi:	45.728.941	đồng
Nợ lãi quá hạn:	3.327.989.011	đồng

Tuy nhiên do tình hình kinh doanh của gia đình gặp khó khăn, nên bà Cao Thị H đề nghị Ngân hàng cho bà trả nợ tiền gốc 2.000.000.000 đồng và xin toàn bộ tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Cao Thị H trình bày: Ngày 13.4.2011 bà Cao Thị H là em gái bà và chồng là ông Đặng Văn D có kí hợp đồng tín dụng vay khoản tiền 2.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Q để kinh doanh, bà đã tự nguyện dùng tài sản của bà là nhà đất tại phố K, phường Trần P, quận H, Hà Nội để bảo lãnh, thế chấp cho khoản vay của bà H, ông D, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 64 tờ bản đồ 15 diện tích 184 m^2. Nay có việc khởi kiện của Ngân hàng đối với bà H, ông D, bà đề nghị Ngân hàng Q tạo điều kiện về mặt thời gian để bà H, ông D thu xếp trả nợ số tiền nợ ngân hàng. Còn bà sẽ thực hiện trách nhiệm của người bảo lãnh theo quy định của pháp luật.

Sau khi thế chấp tài sản, thì bà và con trai Lương Ngọc T và con gái Lương Thị Diễm H có đập ngôi nhà một tầng để xây dựng nhà ba tầng trên diện tích nhà đất đã thế chấp.

Đại diện ủy quyền của anh Lương Ngọc T và chị Lương Thị Diễm H là chị Đặng Thị Lan H khai: Bố mẹ chị bà Cao Thị H và chồng là ông Đặng Văn D có kí hợp đồng và vay vốn tại Ngân hàng Q với tổng số tiền là: 2.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 022CN 104/HDTD-Q/2011 ngày 13/04/2011 với nội dung như sau: Thời hạn vay: theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ, mỗi khế ước nhận nợ tối đa không quá 06 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh linh kiện phụ tùng và máy móc các loại xe có động cơ; Lãi suất vay: Hai bên thống nhất thỏa thuận về lãi suất cho vay như sau: lãi suất thả nổi, áp dụng tại thời điểm giải ngân, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VNĐ kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của Q + biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ và/hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo đúng chính sách của Q tại từng thời kỳ. Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc: Cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ. Trả nợ lãi: Vào ngày 01 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Hợp đồng thế chấp: Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất hợp pháp của bên thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 196156, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số 00107/QSDĐ/508-H, số HS: 0 do UBND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội (nay là quận H, TP Hà Nội) cấp ngày 24/04/2003 cho bà Cao Thị H, cụ thể như sau: Thửa đất số: 64; Tờ bản đồ số: 15; Địa chỉ: xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; Diện tích: 184 m^2; Mục đích sử dụng: đất ở; Thời gian sử dụng: lâu dài. Tài sản đảm bảo trên được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 00944.11, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/04/2011 tại Văn phòng công chứng V, thành phố Hà Nội. Ngày 07/04/2011, tài sản đảm bảo đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H, thành phố Hà Nội.

Chị Đặng Thị Lan H có quan điểm: Đề nghị Ngân hàng Q cho thanh toán : 2.000.000.000 đồng tiền nợ gốc và xin miễn toàn bộ lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bà Cao Thị H cung cấp các chứng cứ chứng minh những người có góp tiền và công sức vào việc xây dựng, sửa chữa nhà đất phố K, phường T, Hoàng Mai, Hà Nội sau khi thế chấp cho Ngân hàng Q nhưng bà Cao Thị H không cung cấp cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị Đặng Thị Lan H cung cấp chứng cứ với tư cách là đại diện ủy quyền của anh Lương Ngọc T và và chị Lương Thị Diễm H nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh trong quá trình sinh sống ở phố K, phường T, quận H, Hà Nội, anh Lương Ngọc T, chị Lương Thị Diễm H có đóng góp công sức trong việc xây dựng, sửa chữa nhà đất, nhưng chị Đặng Thị Lan H không cung cấp cho Tòa án.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 16.7.2020 của Hội đồng định giá tài sản quận H định giá tài sản trên đất là ngôi nhà ba tầng tại phố K, phường T, quận H, Hà Nội có giá trị là 1.254.268.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện cho Ngân hàng Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ cụ thể tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2020 như sau: Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 44.680.884 đồng; lãi quá hạn: 3.515.039.491 đồng; Tổng cả gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn là: 5.559.720.375 đồng. Nếu bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D không thanh toán đầy đủ, đúng hạn, đề nghị Toà án giải quyết cho Ngân hàng Q được toàn quyền đề nghị cơ quan thi hành án bán tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến Toà án và bán tài sản sẽ do bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D chịu. Nếu sau khi bán tài sản mà không đủ thanh toán khoản nợ thì bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Bà Cao Thị H xác nhận có vay số tiền như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và được Ngân hàng giải ngân vốn vay, với mục đích phục vụ kinh doanh. Do điều kiện kinh tế khó khăn vợ chồng bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay Ngân hàng yêu cầu bà phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho đến ngày 29 tháng 9 năm 2020, như sau: dư nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 44.680.884 đồng; lãi quá hạn: 3.515.039.491 đồng; Tổng cả gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn là: 5.559.720.375 đồng. Bà Cao Thị H có ý kiến: Đề nghị Ngân hàng xem xét miễn một phần lãi cho vợ chồng bà.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lương Ngọc T và chị Lương Thị Diễm H là chị Đặng Thị Lan H có ý kiến, đối với yêu cầu của Ngân hàng khởi kiện bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D phải trả khoản nợ Ngân hàng, trong đó dư nợ gốc**:** 2.000.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 44.668.884 đồng; Lãi quá hạn: 3.515.039.041 đồng.Tổng cả gốc và lãi trong hạn, quá hạn là: 5.559.720.375 đồng. Chị Đặng Thị Lan H có ý kiến: đề nghị Ngân hàng xem xét miễn, giảm

một phần lãi suất cho bố mẹ chị là bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D để gia đình thu xếp trả nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và xin miễn toàn bộ phần lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 19/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 14/2020/QĐ-SCBSBA ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đã xử:

*Áp dụng: Điều 122; Điều 342; Điều 343; Điều 422; Khoản 5, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010**;** Điểm b, khoản 3, Điều 27 Nghị đinh số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ, được sửa đổi bổ sung tại Điều 12 Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.*

Căn cứ Điều 30; Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39; Điểm b, khoản 2, Điều 199, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Xử:

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q , về việc yêu cầu bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D phải thanh toán các khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 022CN 104/HDTD-Q/2011 ngày 13/04/2011**.***

2. Buộc bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng Q khoản tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29.09.2020 là: Dư nợ gốc: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); Lãi trong hạn: 44.668.884 đồng (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tư đồng),); Lãi quá hạn: 3.515.039.041 đồng (Ba tỷ năm trăm mười năm triệu không trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi mốt đồng).Tổng cả gốc và lãi trong hạn, quá hạn là: 5,559,720,375 đồng (Năm tỷ, năm trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi đồng ba trăm bảy mươi năm đồng).

3. Trường hợp bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D không thanh toán được các khoản tiền phải trả, Ngân hàng Q được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là nhà đất tại phố K, phường Trần P, quận H, Hà Nội thuộc thửa đất số: 64, Tờ bản đồ số: 15, Diện tích: 184 m2, Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00107/QSDĐ/508-H, số HS: 0 do UBND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội cấp ngày 24/04/2003 cho bà Cao Thị H để thu hồi khoản nợ.

Khi xử lý tài sản thế chấp thì bà Cao Thị H được ưu tiên thanh toán phần giá trị tài sản tăng thêm.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

5.Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Cao Thị H, ông Đặng Văn D vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

6. Về án phí:

- Bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 127.597.204 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm linh tư đồng).

- Ngân hàng Q không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Q số tiền 56.193.000 đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0007382 ngày 11 tháng 06 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bà Cao Thị H kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay: Các bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị H. Bà Cao Thị H kháng cáo đề nghị xin được trả toàn bộ nợ gốc và miễn toàn bộ nợ lãi do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Cao Thị H được nộp trong thời hạn đúng quy định của pháp luật nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Ngân hàng Q với bà Cao Thị H, ông Đặng Văn D phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 022CN 104/HDTD-Q/2011 ngày 13/04/2011 với mục đích để hộ kinh doanh cá thể của bà H bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là bà Cao Thị H, ông Đặng Văn D có địa chỉ tại số 58B Hưng Phúc, Tổ 26 phường Yên Sở, quận H, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Hoàn Mai, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 022CN 104/HDTD-Q/2011 ngày 13/4/2011 được ký kết giữa Ngân hàng Q với vợ chồng bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D và các khế ước nhận nợ số 022CN104.03/KUNN-Q/2012 ngày 07/4/2012 và số 022CN104.04/KUNN-Q/2012 ngày 09/4/2012 thì ngân hàng đã giải ngân cho bà H, ông D 2 tỷ đồng, thời hạn vay 6 tháng với lãi suất 20%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần, cộng với biên độ lãi suất 3,5%/năm.

Để đảm bảo khoản vay trên, năm 2011 bà Cao Thị H (là chị ruột của bà Cao Thị H) đã tự nguyện dùng nhà đất của mình là thửa đất số 64 tờ bản đồ số 15, diện tích 184m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 196156, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00107/QSDĐ/508-H, số HS: 0 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/04/2003 mang tên Cao Thị H, có địa chỉ tại Phố K, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Sau khi thế chấp cho ngân hàng thì năm 2012 bà Cao Thị H đã xây một ngôi nhà 3 tầng trên diện tích đất đó.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà H, ông D đã trả được 139.944.116 đồng tiền lãi trong hạn và 4.231.342 đồng tiền lãi quá hạn.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà H ông D còn nợ Ngân hàng Q 2.000.000.000 đồng tiền nợ gốc, 44.668.884 đồng tiền lãi trong hạn và 3.515.039.041 đồng tiền lãi quá hạn. Tổng cộng là 5.559.720.375 đồng.

Án sơ thẩm xử buộc bà Cao Thị H, ông Đặng Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng Q theo các khế ước nhận nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm với tổng số tiền (nợ gốc, nợ lãi): 5.559.720.375 đồng là có căn cứ.

Đồng thời án sơ thẩm còn tuyên trong trường hợp bà Cao Thị H, ông Đặng Văn D không thanh toán được khoản tiền trên thì Ngân hàng Q được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là nhà đất tại thửa đất số 64 tờ bản đồ số 15, diện tích 184m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 196156, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00107/QSDĐ/508-H, số HS: 0 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/04/2003 mang tên Cao Thị H và khi xử lý tài sản thế chấp thì bà Cao Thị H được ưu tiên thanh toán phần giá trị tài sản tăng thêm. Phần này các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên giữ nguyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Cao Thị H xác nhận số tiền nợ gốc và nợ lãi như ngân hàng trình bày là đúng và bà chỉ kháng cáo đề nghị Ngân hàng Q miễn toàn bộ phần lãi trong hạn 44.668.884 đồng và lãi quá hạn 3.515.039.041 đồng do hoàn cảnh khó khăn, nhưng ngân hàng không đồng ý, vì vậy theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà H, cần giữ nguyên phần này của án sơ thẩm.

Bà Cao Thị H sinh năm 1959 và ông Đặng Văn D sinh năm 1957, đều là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm. Án sơ thẩm tuyên buộc bà H và ông D phải chịu 127.597.204 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là không đúng, nên sửa lại.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 122; Điều 342; Điều 343; Điều 422; Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005

Áp dụng Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010

Áp dụng Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

-Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Cao Thị H.

-Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội về án phí và xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q đối với bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D về việc thanh toán các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 022CN 104/HDTD-Q/2011 ngày 13/04/2011 và các khế ước nhận nợ số 022CN104.03/KUNN-Q/2012 ngày 07/4/2012 và số 022CN104.04/KUNN-Q/2012 ngày 09/4/2012.

2. Buộc bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng Q:

- Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng

- Lãi trong hạn: 44.668.884 đồng

- Lãi quá hạn: 3.515.039.041 đồng

Tổng là: 5.559.720.375 đồng.

3. Trường hợp bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D không thanh toán toàn bộ số tiền trên, thì Ngân hàng Q được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là nhà đất tại phố K, phường Trần P, quận H, Hà Nội thuộc thửa đất số: 64, Tờ bản đồ số: 15, Diện tích: 184 m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 196156, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00107/QSDĐ/508-H, số HS: 0 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/04/2003 cho bà Cao Thị H để thu hồi khoản nợ.

Khi xử lý tài sản thế chấp thì bà Cao Thị H được ưu tiên thanh toán phần giá trị tài sản tăng thêm.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5.Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Cao Thị H, ông Đặng Văn D vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

6. Về án phí:

- Bà Cao Thị H và ông Đặng Văn D không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Bà Cao Thị H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nên được hoàn lại 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006078 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Ngân hàng Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nên được hoàn lại 56.193.000 đồng tiền tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007382 ngày 11/06/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- Chi Cục THADS quận Hoàng Mai, tp Hà Nội;
- TAND quận Hoàng Mai, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn